

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MA  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGD-ST  
Ngày 23 tháng 9 năm 2022  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MA, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: Hoàng Văn Tiến

2. Bà: Nguyễn Thuý Hà

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HN&GD ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Thông báo số: 03/TB-TA ngày 22/8/2022 về việc thay đổi ngày xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị P**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: TDP4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** Anh **Lê Công T**, sinh năm 1989

Nơi ĐKNKTT: Xóm 7, thôn DT, xã TD, huyện SS, TP. Hà Nội.

Nơi cư trú: TDP4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.. (*Vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/5/2022; tại bản tự khai ngày 30/5/2022 nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày:

\* **Về hôn nhân:** Tôi và anh Lê Công T đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện SS, TP. Hà Nội vào ngày 30/3/2017. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự tác động của bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh T sống tại TDP4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính cách của tôi và anh T quá khác nhau,

không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con và làm ăn kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng tôi được hai bên gia đình nội, ngoại hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành, cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không được cải thiện mà càng ngày càng lâm vào trầm trọng. Từ tháng 12 năm 2021 tôi và anh T đã sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Công T.

\* **Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh Lê Công T có 01 người con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 20/01/2018. Hiện cháu đang ở cùng với tôi tại TDP4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Hiện cháu đang học T Mầm non Hoa Hồng tại thị trấn MA, huyện MA. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh T không có.

\* **Bị đơn:** Anh Lê Công T mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh Vẫn vắng mặt.

\* **Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lê Công T; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị P và anh Trường.

Trong quá trình thụ lý giải quyết chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

\* **Quan điểm của đại diện VKSND huyện MA:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Vũ Thị P được ly hôn anh Lê Công T.

- **Con chung:** Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 20/01/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Không có.

- **Án phí:** Chị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, **ý kiến của đại diện VKSND huyện MA** Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Ngày 25/5/2022**, Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt cho bị đơn là anh Lê Công T, anh T vắng nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 18/7/2022 chị Vũ Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 07/9/2022, Nguyên đơn là chị Vũ Thị P có mặt, bị đơn là anh Lê Công T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 23/9/2022.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Vũ Thị P có mặt; Bị đơn là anh Lê Công T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

### **[2] Nội dung vụ án:**

**\* Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/5/2022; tại bản tự khai ngày 30/5/2022 của nguyên đơn là chị Vũ Thị P và lời trình bày của chị Vũ Thị P tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2017 tại UBND TD, huyện SS, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn chị P và anh T về sống tại TDP4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị P và anh T chung sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính cách của chị P và anh T quá khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con và làm ăn kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh T được hai bên gia đình nội, ngoại hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành, cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không được cải thiện mà càng ngày càng lâm vào trầm trọng. Từ tháng 12 năm 2021 chị P, anh T đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng

tổ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị P. Tuyên xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Lê Công T.

**\* Về con chung:** Chị Vũ Thị P và anh Lê Công T có 01 người con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 20/01/2018.

Chị P có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Tuấn A đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy chị P là bác sỹ, đang công tác tại Trung tâm y tế huyện MA, thu nhập ổn định. Mặt khác hiện nay cháu Lê Tuấn A đang sống cùng mẹ từ khi vợ chồng chị P, anh T sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần tiếp tục giao cháu cho chị P trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Tuấn A đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị P về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**\* Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

**[3] Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: **Chị P phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.**

**Vì các lý trên:**

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị P: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Lê Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 20/01/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P **phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí theo biên lai số: 0009281 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MA, tỉnh Điện Biên** chị P đã nộp đủ.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Vũ Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án; anh Lê Công T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS huyện MA;
- **UBND** xã TD, huyện SS, TP.Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Vân**